

Số: 448/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: Số 183 Tam Bình, Tổ 4, khu phố 2, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Lê Thị Th, sinh năm 1969

Hộ khẩu thường trú: Số 183 Tam Bình, Tổ 4, khu phố 2, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2022, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th thuận tình ly hôn. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyển số II, đăng ký ngày 10/8/1994, tại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th có 02 con chung tên Nguyễn Lê Luân (nam), sinh ngày 31/3/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Xuân An (nam), sinh ngày 09/10/2005.

Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th thống nhất thỏa thuận Ông Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân An. Bà Lê Thị Thanh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th có 02 con chung tên Nguyễn Lê Luân (nam), sinh ngày 31/3/1998 (đã trưởng thành); Nguyễn Xuân An (nam), sinh ngày 09/10/2005.

Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th thống nhất thỏa thuận Ông Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân An. Bà Lê Thị Thanh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về lệ phí: Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025515 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Xuân L và bà Lê Thị Th đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Loan